

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN CỘC SÁU-VINACOMIN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU-VINACOMIN
-----000-----

Tháng 3 năm 2019

DANH MỤC TÀI LIỆU
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin
(Tổ chức vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 18/4/2019 tại Hội trường Tầng 7
Văn phòng Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin)

TT	TÀI LIỆU	GHI CHÚ
1	Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.	
2	Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.	
3	Báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019.	
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.	
5	Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019.	
6	Báo cáo tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018; đề xuất tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019.	
7	Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.	
8	Báo cáo của BKS về Công ty: - Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2018. - Báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019. - Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2018.	
9	Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.	
10	Dự thảo Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019.	

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 3 năm 2019

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin năm 2019
(Bắt đầu từ 08 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 4 năm 2019)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
1	8h00"÷8h30"	- Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết.	Ông Nguyễn Hữu Quang TB Kiểm tra tư cách CD
2	8h30"÷8h35"	- Ổn định tổ chức, chào cờ, hát quốc ca; tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, mời chủ tọa lên khai mạc và điều hành Đại hội.	Ông Phạm Việt Thắng Chánh Văn phòng
3	8h35"÷8h40"	- Khai mạc Đại hội. - Cử thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu.	Ông Phạm Hồng Tài CT HĐQT Công ty
4	8h40"÷8h45"	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.	Ông Nguyễn Hữu Quang TB Kiểm tra tư cách CD
5	8h45"÷8h55"	- Trình bày quy chế và chương trình làm việc của Đại hội.	Ông Phạm Việt Thắng Chánh Văn phòng
6		- Biểu quyết thông qua quy chế và chương trình làm việc của Đại hội.	Ông Phạm Hồng Tài CT HĐQT Công ty
7	8h55"÷9h20"	- Báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.	Ông Nguyễn Văn Thuận UVHĐQT- Q. Giám đốc Công ty
8	9h20"÷9h40"	- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018. - Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018. - Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS và tiền lương Thành viên HĐQT, TB Kiểm soát chuyên trách năm 2018; đề xuất chi trả thù lao của HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT, TB Kiểm soát chuyên trách năm 2019.	Ông Nguyễn Hữu Trường Kế Toán trưởng
9	9h40"÷10h00"	- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.	Ông Vũ Văn Khẩn Ủy viên HĐQT Công ty
10	10h00"÷10h20"	Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty: - Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2018. - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019. - Báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018. - Báo cáo Đề nghị lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.	Ông Nguyễn Văn Hùng Trưởng ban Kiểm soát
11	10h20"÷10h30"	- Kính mời: Lãnh đạo TKV phát biểu ý kiến (nếu có). - Tiếp thu ý kiến của lãnh đạo TKV.	Đại biểu TKV Ông Phạm Hồng Tài CT HĐQT Công ty
		- NGHỈ GIẢI LAO 10 PHÚT-	

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
12	10h40"÷11h10"	Đại hội tiến hành thảo luận và biểu quyết các nội dung:	Ông Phạm Hồng Tài CT HĐQT Công ty
		- Báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.	
		- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.	
		- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018.	
		- Báo cáo chi trả thù lao của HĐQT, BKS và tiền lương Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018; đề xuất chi trả thù lao của HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019.	
		- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.	
		Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty:	
		- Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2018.	
13	11h10"÷11h20"	- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019.	Thư ký Đại hội
		- Báo cáo Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018.	
14	11h20"	- Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.	Chủ tọa Đại hội
		- Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	
		- Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.	
14	11h20"	- Tuyên bố kết thúc Đại hội.	

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT, BKS Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ-YT, Ph(.....).

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Tài

Số: 63 /QC - TCS

Cám Phả, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ – CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 12/4/2018;

Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin trình Đại hội thông qua quy chế làm việc như sau:

Điều 1. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thành công tốt đẹp, Đại hội đưa ra được những quyết nghị đúng đắn, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.

Điều 2. Tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền dự Đại hội phải có đủ các điều kiện sau:

1. Cổ đông có quyền đi dự Đại hội phải là người có trong danh sách quyền cổ đông tham dự đại hội cổ đông năm 2019 do TTLK Chứng khoán Việt Nam chốt ngày 08/3/2019 cấp cho Công ty.
2. Cổ đông hoặc người đại diện đi dự Đại hội phải là người đã đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức trước ngày 16/4/2019.
3. Cổ đông hoặc người đại diện được uỷ quyền đến dự Đại hội phải xuất trình cho BTC những giấy tờ sau: giấy CMTND/thẻ căn cước/hộ chiếu, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu người đại diện đi dự Đại hội là cổ đông tổ chức; giấy uỷ quyền dự họp bản gốc.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

1. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định; tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
2. Không mang các vật nguy hiểm, chất độc hại, chất nổ, chất dễ cháy vào phòng họp và không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
3. Trang phục đi dự Đại hội: trang trọng, lịch sự.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ rung. Nếu có nhu cầu giao dịch qua điện thoại thì phải ra ngoài phòng họp để không làm ảnh hưởng đến Đại hội.

Điều 4. Tỷ lệ dự họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Phải đảm bảo có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

2. Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả các cổ đông. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và uỷ quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

3. Cách biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết thông qua một vấn đề, các cổ đông đồng ý sẽ thực hiện giơ thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội.

4. Thẻ lệ biểu quyết

- Một cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện tương ứng với một phiếu biểu quyết (Ví dụ thẻ biểu quyết của Đại biểu cổ đông được ghi là 10.000 cổ phần, tức là cổ đông đó có 10.000 phiếu biểu quyết).

- Tất cả các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi có số cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng phần biểu quyết thông qua các nội dung được quy định tại Khoản 3, Điều 21 Điều lệ Công ty được thông qua khi có số cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 5. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

Điều 6. Trách nhiệm của Chủ tọa

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình Đại hội.

Điều 7. Trách nhiệm của Thư ký

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 8. Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu

1. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

2. Nhanh chóng thông báo cho Ban thư ký kết quả biểu quyết.

Điều 9. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT, BKS (B/c);
- Các cổ đông của Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ-YT, Ph(....).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Tài

Cám Phả, ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018
và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2018, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong khai thác mỏ đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết diễn biến bất thường (trong năm có 134 ngày mưa vũ lượng 2.517 mm), điều kiện khai thác tiếp tục xuống sâu, tài nguyên khó khăn, bờ mỏ phía Bắc không ổn định; độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn; thiết bị vận tải một số thời điểm còn thiếu cục bộ; công tác quản lý, các cơ chế chính sách của Nhà nước có sự thay đổi đối với ngành Than, thuế phí tăng cao, làm tăng giá thành sản xuất của Công ty.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Công ty; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã đoàn kết, chung sức vượt qua khó khăn, thực hiện hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn và phát triển vốn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2018

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2018				
			Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	TỶ LỆ % SO VỚI	
						Kế hoạch điều chỉnh	Kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6	7=6/5*100	8=6/4*100
1	Đất đá bốc xúc	M ³	19.500.000	20.500.000	20.285.775	104,0	99,0
2	Than sản xuất	Tấn	2.300.000	2.440.000	2.605.986	113,3	106,8
-	Than NK khai thác	Tấn	1.500.000	1.500.000	1.500.118	100,0	100,0
-	Than sạch từ SPNT	Tấn	800.000	940.000	1.105.868	138,2	117,6
3	Hệ số bóc	M ³ /T	13,00	13,67	13,52	104,0	98,9
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.282.000	2.520.000	2.616.572	114,7	103,8
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.661.541	3.036.274	3.059.054	114,9	100,75
6	Giá trị đầu tư	Tr.đ	148.220	179.994	107.295	72,38	59,61
7	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	7.514	7.514	9.009	119,9	119,9
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	26.052	26.052	51.657	198,3	198,3
9	Trả cổ tức	% năm/CP	3	3	5	166,6	166,6

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MẶT QUẢN LÝ NĂM 2018

1. Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ

Trong năm Công ty đã chỉ đạo, thực hiện tốt các phương án khai thác trọng điểm theo mục tiêu đề ra, đảm bảo nguồn than phục vụ tiêu thụ; hoàn thành toàn diện kế hoạch hạ moong 2017÷2018.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác: thực hiện tốt theo quy định, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, điều kiện làm việc được cải thiện hơn; các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ trong năm đạt so với kế hoạch đề ra.

- Công tác điều hành sản xuất: thực hiện theo đúng quy định, giữ vững kỷ luật điều hành. Trong năm đã triển khai thực hiện các giải pháp điều hành sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, nâng cao năng suất lao động; tổ chức di chuyển bên xe công nhân Tuyến 2 về mặt bằng khu vực Đông Nam; thực hiện có hiệu quả phương án giao nhận ca các thiết bị vận tải tại khai trường từ ngày 01/3/2018 tỷ lệ xe đạt mức quy đổi tăng 2÷3% so với không giao ca tại chỗ.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo đúng kế hoạch, các công trình phát huy hiệu quả. Thực hiện tốt các công việc BVMT thường xuyên theo quy định; bổ sung các giải pháp BVMT khu vực công trường Băng sàng và một số tuyến đường gần khu dân cư, chấm dứt hoạt động hệ thống Sàng 2 và kho than. Kết quả thực hiện chi phí công tác BVMT năm 2018 là 24,842 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

- Cân đối tổ chức sửa chữa, bảo dưỡng, trung tu thiết bị theo kế hoạch. Thực hiện hiệu quả phương án tiết kiệm nhiên liệu và tiết kiệm điện.

- Đẩy mạnh ứng dụng Tin học hóa, Tự động hóa trong sản xuất kinh doanh; lắp đặt bổ sung các thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến để nâng cao hiệu quả quản lý.

- Thực hiện công tác quản lý, mua bán vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất theo đúng theo quy định; giá trị vật tư tồn kho trong mức quy định.

- Cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư năm 2018 phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong năm Công ty đã triển khai thực hiện 12 dự án với tổng giá trị đầu tư thực hiện là 107 tỷ 295 triệu đồng, đạt 59,6% kế hoạch (giá trị đầu tư năm 2018 đạt thấp nguyên nhân do hầu hết các dự án đến cuối quý II/2018 mới được Tập đoàn thông qua nội dung).

2. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động

- Công ty tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017÷2020. Trong năm đã sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất ở một số bộ phận, đơn vị để nâng cao hiệu quả quản lý; chuyển Trạm Y tế về trực thuộc Phòng TCLĐ quản lý; hợp nhất phòng Kiểm toán-Thanh tra Pháp chế và Phòng BVQS vào phòng TBK., hiện Công ty có 15 công trường, phân xưởng và 14 phòng quản lý.

- Thực hiện phương án thuê ngoài một số khâu trong sửa chữa thiết bị; triển khai phương án thuê ngoài dịch vụ phục vụ bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động từ 01/01/2019.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019; hoàn thành Phương án đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu của TKV tại Công ty lên mức 65% vốn điều lệ.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động; kết quả năm 2018 Công ty giảm được 239 lao động. Tổng số lao động hiện có đến 31/12/2018 là 2.465 người.

- Cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2018 đạt 2.628 người, giảm 42 người so với kế hoạch, bằng 98,05% so với năm 2017; ngày công bình quân năm 2018 là 23,3 công/người/tháng, bằng 96,3% so với kế hoạch.

- Duy trì tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCN; năm 2018 Công ty có 202 sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, giá trị làm lợi ước tính 3,9 tỷ đồng.

3. Công tác quản trị chi chí, kinh tế tài chính

- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành SXKD phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường; hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo kế hoạch điều chỉnh.
- Thực hiện hiệu quả công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất.
- Ban hành định mức lao động nội bộ, xây dựng thông số cấp bậc công việc năm 2018. Hoàn thiện phương án sử dụng quỹ tiền lương; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương phù hợp với kết quả sản xuất, sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương năm 2018.
- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước 579 tỷ 129 triệu đồng; bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh.

4. Công tác đời sống, xã hội

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và bố trí đủ việc làm cho người lao động.
- Tăng cường thực hiện các biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe, cải thiện chất lượng bữa ăn giữa ca cho người lao động.
- Phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Phát triển” và đợt thi đua 90 ngày đêm sản xuất và tiêu thụ than Quý IV/2018. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào văn VH TT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động VH TT do các cấp tổ chức.
- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 910 triệu đồng.

5. Công tác an ninh trật tự; An toàn- VSLĐ

- Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản ổn định.
- Tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt công tác AT-VSLĐ cơ bản đạt được kết quả theo mục tiêu đề ra. Trong năm Công ty không xảy ra tai nạn lao động và sự cố thiết bị nghiêm trọng.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát: “An toàn - Đổi mới - Phát triển”

2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản lượng chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Đất đá bốc xúc	M ³	25.900.000
2	Than sản xuất	Tấn	2.690.000
-	Than nguyên khai khai thác	Tấn	1.850.000
-	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	840.000
3	Hệ số bóc	M ³ /Tấn	14,00
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.663.000

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2019
5	Doanh thu tổng số	Triệu đồng	3.493.548
	Trong đó doanh thu than	Triệu đồng	3.490.548
6	Giá trị đầu tư XD CB	Triệu đồng	298.481
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	26.066
8	Tiền lương bình quân	1.000đ/người/tháng	8.582.000
9	Dự kiến chi trả cổ tức	%/năm/CP	5 (phần đầu 6%)

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. Các giải pháp về kỹ thuật công nghệ

- Tập trung thực hiện hoàn thành kế hoạch hạ moong 2018-2019 để phục tiêu thụ và chuẩn bị điều kiện cho kỳ hạ moong tiếp theo. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các phương án kỹ thuật hàng kỳ phù hợp với từng giai đoạn đảm bảo hiệu quả.

- Quy hoạch hợp lý, hiệu quả hệ thống đường vận chuyển; tập trung cải thiện các điều kiện kỹ thuật khai thác; triển khai phương án xử lý sạt lở khu vực bờ Bắc; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khoan nổ mìn; tiếp tục quy hoạch hệ thống tăng công tác phù hợp với đồng bộ thiết bị xúc, vận tải.

- Chỉ đạo, thực hiện quyết liệt công tác làm đường để mở rộng mặt đường và nâng cao chất lượng các tuyến đường vận chuyển để tăng năng suất thiết bị, đảm bảo an toàn, giảm chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí sử dụng lốp, nhiên liệu.

- Mở diện khai thác hợp lý tại các khu vực; thực hiện chặt chẽ hiệu quả các biện pháp quản trị tài nguyên, nâng cao chất lượng than khai thác, giảm tỷ lệ tổn thất than. Bảo vệ tốt các kho chứa than, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, bảo vệ môi trường; khai thác hiệu quả các hệ thống sàng tuyển; chuẩn bị kịp thời chân hàng phục vụ tiêu thụ.

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả các phương án thoát nước, phòng chống mưa bão, mục tiêu giảm tối đa lượng nước mưa chảy xuống moong và giảm lượng bùn đất trôi lấp xuống đáy mỏ, giảm chi phí động lực, chi phí xử lý bùn moong.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp kỹ thuật công nghệ theo "Phương án trình tự khai thác hợp lý 3 mỏ Cọc Sáu, Đèo Nai, Cao Sơn".

2. Các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ từng quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019.

- Chủ động cân đối sản xuất, tiêu thụ phù hợp với thực tế để đảm bảo hiệu quả sản xuất. Thực hiện phương án TCSX tại hệ thống Sàng 1, Sàng 19/5 trên cơ sở phát huy tối đa năng lực sàng tuyển hiện có của Công ty để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong thời gian chờ thi công hệ thống sàng tuyển mới. Đẩy mạnh chế biến, nâng cao chất lượng than thương phẩm để tăng doanh thu.

- Nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác điều hành, bố trí thiết bị hợp lý, đảm bảo thiết bị hoạt động có hiệu quả, tăng giờ hoạt động hữu ích của thiết bị. Chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các giải pháp trong tổ chức sản xuất, sửa chữa thiết bị để nâng cao năng suất thiết bị. Phần đầu năng suất xe ô tô và máy xúc đất năm 2019 tăng $\geq 5\%$ so với thực hiện năm 2018.

3. Công tác quản lý, sửa chữa vận hành thiết bị

- Chỉ đạo và thực hiện các giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác quản lý, sửa chữa thiết bị cả Công ty làm và thuê ngoài nhằm đáp ứng được yêu cầu sản xuất.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện quy trình thiết bị, quản lý, vận hành và sửa chữa thiết bị giảm ca máy hỏng đột suất.

- Tiếp tục rà soát đưa vào niêm cất, thanh lý các thiết bị cũ hoạt động không hiệu quả nhằm phát huy hiệu quả năng suất thiết bị, giảm chi phí sản xuất.

- Tổ chức chặt chẽ công tác quản lý, sử dụng, mua bán vật tư thiết bị, nhiên liệu theo đúng quy định, đảm bảo tỷ lệ tồn kho vật tư phù hợp để tiết kiệm chi phí nhưng không gây ách tắc sản xuất.

4. Công tác An toàn-VSLĐ, bảo vệ an ninh trật tự

- Tăng cường tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; nâng cao chất lượng, kiểm tra, giám sát về thực hiện các quy trình, quy phạm an toàn trong sản xuất, nâng cao công tác tự chủ an toàn của CBCN. Mục tiêu trong năm 2019 Công ty không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố thiết bị, sự cố cháy nổ nghiêm trọng.

- Chủ động nắm bắt tình hình, xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa; tăng cường kiểm tra, kiểm soát bảo vệ an ninh trật tự, nhất là công tác bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ, sản xuất và tiêu thụ than. Phối hợp chặt chẽ với địa phương, các đơn vị trong khu vực đảm bảo ổn định an ninh trật tự trên địa bàn.

5. Công tác đầu tư, bảo vệ môi trường

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2019, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư thiết bị, thuê tài sản, di chuyển hệ thống sàng tuyển, di chuyển PXVT 5, PXVT 6, CT Khoan.

- Tiếp tục đầu tư và áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý nhiên liệu, quản lý chuyển, chất tải, bảo vệ than; triển khai áp dụng tự động hóa trong băng tải than, bơm nước moong.

- Tiếp tục phối hợp với địa phương thực hiện công tác thuê đất khu vực H10 Mông Dương, giải phóng mặt bằng khu H10 và kho than G9 để phục vụ đổ thải.

- Triển khai thực hiện kế hoạch BVMT, các hệ thống thoát nước, PCMB năm 2019 theo kế hoạch. Tập trung trồng cây cải tạo phục hồi môi trường khu vực bãi thải Đông Cao Sơn; thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi phát tán, nâng cao hiệu quả công tác tưới nước dập bụi trên khai trường mỏ và khu vực dân cư.

6. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện công tác tái cơ cấu bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017÷2020 với trọng tâm là tinh giản lực lượng lao động phục vụ, phụ trợ; sắp xếp lại tổ chức sản xuất khâu thợ sửa chữa để nâng cao năng suất lao động. Phân đầu năng suất lao động năm 2019 tăng $\geq 5\%$ so với năm 2018

- Thực hiện xã hội hóa một số công việc phục vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Triển khai Phương án tái ký HĐLĐ với một số thợ sửa chữa thiết bị đã nghỉ chế độ, nhất là thợ bậc cao.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý nội bộ Công ty phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; phân công rõ nhiệm vụ của đơn vị, phòng ban để nâng cao hiệu quả quản lý. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Người đứng đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Cân đối, tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý với kế hoạch sản lượng, đảm bảo phục vụ sản xuất, hiệu quả sử dụng lao động. Chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ cho CBCN, nhất là bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật các lĩnh vực.

7. Công tác quản trị chi phí; quản lý kinh tế, tài chính

- Tập trung thực hiện các giải pháp đổi mới công nghệ, giảm giá thành sản xuất; tổ chức kiểm soát chặt chẽ chi phí từ đầu vào đến đầu ra ở các công đoạn SXKD.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và giao kế hoạch sản xuất, quản trị chi phí giá thành. Tổ chức giao kế hoạch gắn với giao khoán chi phí cho các đơn vị, bộ phận theo hướng tăng tính chủ động, tăng quyền và trách nhiệm cho các đơn vị trong thực hiện sản lượng và chi phí vì mục tiêu tiết kiệm, hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư.

- Lập kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả công tác tài chính; cân đối hợp lý thu chi nhằm giảm lãi vay, giảm giá thành sản xuất; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh, bảo toàn vốn, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính theo quy định.

8. Công tác chăm lo đời sống, tinh thần cho người lao động

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Quản lý chặt chẽ quỹ tiền lương, tổ chức quản lý công tác lao động tiền lương đảm bảo cân đối thu nhập và việc làm cho các đơn vị trong Công ty.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, cải thiện chất lượng bữa ăn giữa ca cho CBCN; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

9. Các công tác khác

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương, đơn vị trên địa bàn thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, ranh giới mỏ, an ninh trật tự, BVMT, dân sinh, văn hóa xã hội.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động về những mục tiêu và giải pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tạo sự đồng thuận trong CBCN; phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ SXKD của Công ty năm 2019.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xin được báo cáo trước Đại hội./

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TN;
- Lưu VP, HĐQT (Th).

Q. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thuận

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP THAN CỘC SÁU - VINACOMIN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	110	967.983.136.521	769.303.108.221
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	661.384.716	1.548.940.792
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13.079.400.000	24.850.860.000
	- Chứng khoán kinh doanh		43.598.000.000	43.598.000.000
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán KD		-30.518.600.000	-18.747.140.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	396.250.942.578	264.246.193.795
4	Hàng tồn kho	140	470.400.724.474	425.351.342.830
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	87.590.684.753	53.305.770.804
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	974.371.064.532	1.097.133.936.427
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	38.287.447.419	34.544.761.833
2	Tài sản cố định	220	664.392.035.358	772.556.310.567
	- Tài sản cố định hữu hình	221	663.817.548.351	772.265.160.170
	- Tài sản cố định vô hình	227	574.487.007	291.150.397
3	Bất động sản đầu tư		0	
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	4.716.484.955	3.674.079.899
6	Tài sản dài hạn khác	260	266.975.096.800	286.358.784.128
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.942.354.201.053	1.866.437.044.648
IV	NỢ PHẢI TRẢ	300	1.574.039.702.067	1.491.518.143.686
1	Nợ ngắn hạn	310	1.249.716.945.788	1.107.671.711.123
2	Nợ dài hạn	330	324.322.756.279	383.846.432.563
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	368.314.498.986	374.918.900.962
1	Vốn chủ sở hữu	410	368.314.498.986	364.455.970.738
	- Vốn góp của chủ sở hữu	411	324.961.050.000	324.961.050.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	418	2.040.317.377	2.040.317.377
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.313.131.609	37.454.603.361
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		10.462.930.224
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		10.462.930.224
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.942.354.201.053	1.866.437.044.648

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	CHỈ TIÊU		NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.054.011.427.369	2.524.392.130.726
2	Các khoản giảm trừ doanh thu			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	3.054.011.427.369	2.524.392.130.726
4	Giá vốn hàng bán	11	2.818.139.678.455	2.226.443.634.839
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20	235.871.748.914	297.948.495.887
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.175.419.489	1.048.820.785
7	Chi phí tài chính	22	67.978.678.354	59.294.928.073
8	Chi phí bán hàng	25	3.169.482.093	2.369.017.199
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	116.896.923.751	185.704.489.119
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	49.002.084.205	51.628.882.281
11	Thu nhập khác	31	3.868.660.455	4.378.592.872
12	Chi phí khác	32	1.213.910.149	5.697.770.157
13	Lợi nhuận khác	40	2.654.750.306	-1.319.177.285
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	51.656.834.511	50.309.704.996
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	10.343.702.902	13.803.026.334
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	41.313.131.609	36.506.678.662
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.271	1.123

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHI TRẢ TIỀN LƯƠNG, THỪ LAO CỦA HĐQT, BKS

STT	CHỨC DANH	TIỀN LƯƠNG	THỪ LAO
1	Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty	2.720.560.000	263.160.000
2	Ban Kiểm soát	395.760.000	96.000.000
	Tổng cộng	3.116.320.000	359.160.000

IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	0,77	0,69
2	Hệ số nợ phải trả/ vốn CSH	Lần	4,22	4,08
3	Vòng quay vốn lưu động	Lần	4,79	4,30
4	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	7,36	6,28
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12,63	10,02
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	%	2,169	1,956

Cầm Phả, ngày 18 tháng 3 năm 2019

KÊ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Trường



Nguyễn Văn Thuận

Cầm Phả, ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của Công ty năm 2018

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin.

Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ - CP ngày 12/2/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014; Thông tư số 119/2014/TT - BTC ngày 25/8/2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 12/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 0118/QĐ-TCS ngày 02/10/2015 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	100	51.657
2. Thuế TNDN	Triệu đồng	20,02	10.344
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Triệu đồng	79,98	41.313
3.1. Chia cổ tức (5% vốn điều lệ)	Triệu đồng	5,00	16.248
3.2. Lợi nhuận còn lại được trích bổ sung các quỹ	Triệu đồng		25.065
a. Quỹ thưởng Người quản lý Công ty	Triệu đồng		390
b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng		24.675
Trong đó:			
- Quỹ khen thưởng (60%)	Triệu đồng		14.805
- Quỹ phúc lợi (40%)	Triệu đồng		9.870

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty (B/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, H (....)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Tài

Cầm Phả, ngày 15 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO

Chi trả tiền thù lao của HĐQT, BKS; tiền lương Thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018; Đề xuất thù lao của HĐQT, BKS và tiền lương của ủy viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin số 063/NQ- ĐHĐCĐ ngày 12/4/2018;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Đại hội về việc chi trả tiền thù lao của HĐQT, BKS, tiền lương của Thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018; đề xuất trả tiền thù lao của HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019 như sau:

1. Tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018

a) Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2018

- 05 Thành viên HĐQT của Công ty : 263.160.000 đồng.
- 02 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty : 96.000.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS : 359.160.000 đồng.

Bằng chữ: (Ba trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

b) Tiền lương chi trả đối với thành viên HĐQT chuyên trách năm 2018 là 65.960.000 đồng (02 tháng tiền lương đối với thành viên HĐQT chuyên trách).

c) Tiền lương chi trả đối với Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018 là 395.760.000 đồng.

2. Đề xuất mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS; tiền lương thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Khoản 5, Điều 38 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin quy định mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty.

Căn cứ vào kế hoạch tiền lương của Công ty năm 2019;

a) Mức chi trả tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty được xác định như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	$25.700.000 \times 20\% = 5.140.000$
2	Ủy viên HĐQT	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$
3	Ủy viên BKS	$20.000.000 \times 20\% = 4.000.000$

* **Ghi chú:** Mức tiền thù lao trên được chi trả cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách.

b) Tiền lương đối với Thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách Công ty được hưởng mức lương theo kế hoạch là 21.900.000 đồng/người/tháng.

3. Việc chi trả thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách được tạm ứng 80% mức thù lao, tiền lương tạm tính của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS Công ty theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty (B/c);
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ-YT, Ph(....).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hồng Tài

Cầm Phả, ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018
phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Kính gửi: Các Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xin được báo cáo các Quý vị cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

1. Cơ cấu tổ chức của HĐQT: Năm 2018 là năm thứ hai của nhiệm kỳ III (2017÷2022), các thành viên trong Hội đồng quản trị không thay đổi, gồm có:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Phạm Hồng Tài | Chủ tịch HĐQT. |
| 2. Ông Vũ Văn Khẩn | Thành viên HĐQT, Bí thư Đảng ủy Công ty. |
| 3. Ông Nguyễn Văn Thuận | Thành viên HĐQT, Quyền Giám đốc Công ty. |
| 4. Ông Nguyễn Tấn Long | Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty. |
| 5. Ông Trần Đức Kha | Thành viên HĐQT, Phó bí thư Đảng ủy Công ty. |

Trong 05 thành viên HĐQT có 02 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành Công ty và 03 thành viên là thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình.

2. Hoạt động của HĐQT

HQĐT đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

2.1. Năm 2018, HĐQT Công ty đã họp 46 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản; ban hành 247 nghị quyết, quyết định và văn bản theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT thực hiện nghiêm công tác quản trị, giám sát bộ máy điều hành Công ty nhằm triển khai thực hiện đúng nghị quyết, quyết định ban hành của HĐQT.

Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ, công bố thông tin đúng quy định, công khai, minh bạch.

Năm 2018, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; các thành viên HĐQT Công ty đã hoạt động đúng chức trách, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, minh bạch, vì lợi ích của các cổ đông và của Công ty.

2.2. Chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh: Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018, chỉ đạo, giám sát bộ máy điều hành quản lý công ty thực hiện hoàn thành toàn diện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo kế hoạch điều chỉnh.

(Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 như Giám đốc Công ty đã báo cáo trước Đại hội).

2.3. Công tác đầu tư phát triển sản xuất: trong năm Công ty đã cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư năm 2018 phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Trong năm Công ty đã triển khai thực hiện 12 dự án với tổng giá trị đầu tư thực hiện là 107 tỷ 295 triệu đồng, đạt 59,61% kế hoạch.

2.4. Về công tác tổ chức cán bộ

Năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và đi đến thống nhất về công tác tổ chức cán bộ trong HĐQT, Ban điều hành Công ty như sau:

- Thông qua về việc ông Lê Văn Giáp, Phó Giám đốc Công ty được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/9/2018;
- Chấp thuận đề ông Vũ Văn Khẩn, Ủy viên HĐQT-Giám đốc Công ty thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin, kể từ ngày 25/10/2018;
- Phân công ông Vũ Văn Khẩn là người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam trong Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin đảm nhận nhiệm vụ Ủy viên HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, kể từ ngày 25/10/2018;
- Giao nhiệm vụ ông Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty giữ chức vụ quyền Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin, kể từ ngày 25/10/2018;
- Phê duyệt việc bổ nhiệm có thời hạn ông Đinh Thái Bình, Trưởng phòng Kỹ thuật Khai thác giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, kể từ ngày 14/12/2018;
- Phê duyệt bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ giai đoạn từ năm 2016÷2020 và từ năm 2020÷2020 đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty.

2.5. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung theo Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2017÷2020; trong năm đã sắp xếp lại mô hình, cơ cấu tổ chức sản xuất ở một số bộ phận, đơn vị, phòng ban đảm bảo tinh gọn, hiệu quả; mô hình hiện tại Công ty có 15 công trường, phân xưởng và 14 phòng ban quản lý.
- Thực hiện phương án thuê ngoài một số khâu trong sửa chữa thiết bị; triển khai phương án thuê ngoài dịch vụ phục vụ bữa ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động từ 01/01/2019.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019; hoàn thành Phương án tăng tỷ lệ sở hữu của TKV tại Công ty lên mức 65% vốn điều lệ.
- Công ty cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Tích cực thực hiện tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động; kết quả năm 2018, Công ty đã giảm được 239 lao động, trong đó có 168 lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ.

3. Công tác giám sát đối với Giám đốc và Người điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát, chỉ đạo Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty thông qua chế độ báo cáo định kỳ và tổ chức họp hàng tháng, hàng quý giữa HĐQT với Giám đốc và Ban điều hành về tình hình sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, đầu tư, định hướng phát triển Công ty, các vấn đề phát sinh...
- HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành chỉ đạo các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty và cấp trên.
- Trong quá trình tổ chức hoạt động SXKD năm 2018, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.

Năm 2018, Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty đã linh hoạt triển khai kế hoạch SXKD theo các phương án phù hợp với điều kiện thực tế, hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, thực hiện hoàn thành hoàn diện kế hoạch SXKD năm 2018 theo kế hoạch điều chỉnh; đảm bảo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động; công tác an ninh trật tự, chính trị, an toàn lao động được giữ vững ổn định; đảm bảo quyền lợi chính đáng của các cổ đông.

4. Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2018

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin ngày 12/4/2018, Công ty đã chi trả thù lao năm 2018 cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm với tổng số tiền là 359.160.000 đồng.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

Năm 2019, thị trường tiêu thụ than tăng, tạo cơ hội cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát triển. Tuy nhiên, điều kiện khai trường sản xuất của Công ty gặp nhiều khó khăn, khai thác xuống sâu hơn. Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Giám đốc Công ty đã trình bày, Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số vấn đề trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.
 2. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017÷2020. Căn đối thực hiện xã hội hóa một số công việc phục vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Triển khai thực hiện phương án tái ký HĐLĐ với một số công nhân thợ sửa chữa thiết bị mỏ đã nghỉ chế độ, nhất là thợ bậc cao.
 3. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty hoạt động linh hoạt, hiệu quả.
 4. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; tập trung cải thiện các điều kiện kỹ thuật khai thác, đường vận chuyển; thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động.
 5. Căn đối, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2019. Thực hiện các giải pháp đổi mới công nghệ, giảm giá thành sản xuất. Tiếp tục đầu tư và áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý, điều hành Công ty.
 6. Quản trị và điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.
 7. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, tạo đủ việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động.
 8. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD.
- Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin trân trọng báo cáo trước Đại hội và xin ý kiến của các Quý vị cổ đông./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HĐQT (Th).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Hồng Tài

Cầm Phả, ngày 26 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2018.
Phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ quy định về quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 12/4/2018.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát, thay mặt Ban Kiểm soát Công ty, xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông Công ty về đánh giá thực hiện công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 với các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát Công ty thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

- Hoạt động của BKS trong năm 2018 được chủ động tiến hành thường xuyên hàng tháng, quý, năm theo quy định của Luật pháp, Điều lệ Công ty và các quy định khác theo ngành của Tập đoàn TKV.

- Căn cứ Biên bản đã thống nhất phân công, các thành viên Ban Kiểm soát có quyền độc lập thực hiện quyền kiểm soát theo nhiệm vụ phân công, chịu trách nhiệm, nhưng không giới hạn bởi nhiệm vụ tập trung khi cần thực hiện chương trình kiểm tra, kiểm soát.

- Ban Kiểm soát tổ chức họp thường kỳ quý/lần và các cuộc họp đột xuất khác do yêu cầu công việc. Nội dung các kỳ họp đều được kiểm điểm công việc thực hiện trong quý, hoặc những nội dung vụ việc đột xuất cần kiểm tra. Các kỳ họp đều đủ các thành viên tham gia, mọi thành viên có quyền bình đẳng ý kiến, trước khi thống nhất nội dung biên bản họp.

- Kết thúc năm, cá nhân các thành viên Ban kiểm soát phải kiểm điểm đánh giá hoạt động kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ phân công.

1.1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

- Lập và ban hành kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm, kế hoạch được gửi HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và thông báo rộng rãi trong Công ty. Lập báo cáo Kiểm soát định kỳ từng quý, năm theo quy chế TKV. Trong quá trình tổ chức thực hiện theo đúng chức năng, quyền hạn được quy định tại Điều lệ của công ty và tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp cũng như các quy định hướng dẫn của Nhà nước, của TKV.

- Thực hiện Giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy định quy chế

của HĐQT, của Công ty, các quy định chung theo ngành của TKV. Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc và Tổng Giám đốc TKV.

- Kiểm soát tình hình hoạt động SXKD của Công ty, việc đầu tư XD CB và báo cáo tài chính năm 2018, giám sát việc kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán hoạt động khác của Công ty do Kiểm toán độc lập thực hiện.

- Tham dự các kỳ họp Hội đồng quản trị Công ty, phát biểu ý kiến tham gia về công tác sản xuất, tiêu thụ, công tác quản trị kinh doanh của Công ty.

- Xem xét việc ban hành các quy định quy chế của Công ty và giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế đã ban hành.

- Tổ chức thực hiện các đợt kiểm tra kiểm soát theo kế hoạch về: công tác thực hiện theo dõi và quản lý kho than thành phẩm và bán thành phẩm ở các công trường chế biến tiêu thụ; việc thuê đơn vị ngoài vào sửa chữa thường xuyên tại Công ty; công tác đấu thầu và thực hiện hợp đồng (thuê ngoài chế biến than từ đất đá lẫn than); công tác đấu thầu mua sắm và sử dụng lớp xe ô tô đặc chủng...

- Quá trình kiểm tra, kiểm soát, được xem xét phân tích cụ thể, minh bạch và đều có sự tham gia bình đẳng của các cán bộ phòng ban quản lý Công ty, kết quả kiểm tra đều có ý kiến và kiến nghị cụ thể:

- + Đối với những nội dung không trọng yếu, yêu cầu đơn vị điều chỉnh và chấn chỉnh lại trong quá trình thực hiện.

- + Đối với những vấn đề vụ việc có nguy cơ rủi ro, tổn hại đến lợi ích Công ty, đã yêu cầu đơn vị phải thực hiện làm lại và có trách nhiệm thu hồi.

- + Kết thúc kiểm tra đều được lập biên bản và những nội dung cần kiến nghị được thông báo gửi đến HĐQT và Ban Giám đốc.

1.2. Nhận xét chung

- Nhìn chung trong năm 2018, Ban Kiểm soát cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ cổ đông giao theo đúng chức năng, quyền hạn quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định của TKV.

- Trong năm 2018 Ban Kiểm soát không có quyết định kiểm tra, kiểm soát về các hoạt động SXKD cũng như hoạt động quản lý của Công ty, ngoại trừ việc thực hiện kiểm tra định kỳ theo quy định và kế hoạch của BKS. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, không làm cản trở hoặc gây gián đoạn đến điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Không kiểm tra những nội dung trùng lặp khi hệ thống thanh, kiểm tra Công ty đã thực hiện.

- Trong năm 2018, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu nào của cổ đông, hay nhóm cổ đông cũng như của CBCN Công ty về tình hình hoạt động SXKD, về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý điều hành Công ty.

2. Về thực hiện chức năng

2.1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

- Qua quá trình kiểm soát cũng như qua kết quả báo cáo kiểm toán, BKS không phát hiện trường hợp bất thường trong công tác quản lý tài chính và hoạt động SXKD của Công ty. Cũng như không phát hiện thấy những vấn đề có tính trọng yếu làm ảnh hưởng đến công tác quản lý và kết quả kinh doanh của Công ty. Các hoạt động quản lý tuân thủ theo hệ thống các văn bản quy định của Nhà nước, TKV và Công ty.

- Kết thúc năm tài chính 2018, qua kết quả rà soát Báo cáo tài chính giữa niên độ và kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính kết thúc năm. Ban Kiểm soát Công ty thống nhất, đồng ý với nội dung đánh giá về tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính của Công ty đã được Công ty Kiểm toán PKF Việt Nam thực hiện.

2.2. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty.

- HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quyền hạn theo Điều lệ Công ty, đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty ổn định.

- HĐQT tổ chức họp thường kỳ và đột xuất (khi cần thiết), kịp thời ban hành Nghị quyết phù hợp với điều kiện SXKD từng thời điểm. Chỉ đạo sát sao Ban Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty về: Sản xuất, chế biến, tiêu thụ, công tác đầu tư, công tác quản trị chi phí, định mức chi phí, công tác tái cơ cấu...

- Chủ động chỉ đạo ban hành các quy định, quy chế phù hợp với chính sách Nhà nước, quy định của ngành cũng như các quy định quản lý nội bộ Công ty.

- Ban Giám đốc chủ động trong điều hành, lãnh đạo hoàn thành cơ bản một số chỉ tiêu trong hợp đồng phối hợp kinh doanh năm 2018, một số chỉ tiêu về tài chính vượt mức nhiều so với kế hoạch (Doanh thu 100,8%; lợi nhuận trước thuế 198,2%). Thu nhập cho người lao động tăng 20%, cổ tức vượt so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các hệ số tài chính cơ bản đảm bảo, an toàn về vốn và tài sản của Công ty, thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước. Giữ gìn kỷ luật lao động, đảm bảo an ninh trật tự và bảo vệ tài nguyên gianh giới mở.

- Ban Giám đốc Công ty chịu sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, chấp hành sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, ban hành các quy định về quản lý nội bộ trong phạm vi được phân cấp.

- Trong quá trình giám sát, Ban Kiểm soát không phát hiện có sự việc bất thường nào trong hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

2.3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban Giám đốc.

- Nhìn chung năm 2018, Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin từ HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các mặt hoạt động quản lý và sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp của các Phòng ban quản lý, các Công trường, Phân xưởng tạo điều kiện giúp Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Quá trình thực hiện kiểm soát, Ban Kiểm soát luôn minh bạch, dân chủ trao đổi với Ban Giám đốc và các Phòng ban liên quan, trước khi kết luận ý kiến. Các ý kiến kiến nghị của Ban Kiểm soát, được Ban Giám đốc xem xét tiếp nhận và chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện.

3. Một số tồn tại

3.1. Về hoạt động của Ban kiểm soát

- Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm còn dàn trải, thời gian thực hiện một cuộc kiểm tra và kết luận kiểm tra còn kéo dài. Công tác đôn đốc việc thực hiện theo các kiến nghị sau kiểm tra còn thiếu kiên quyết.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn chưa phát huy tính chủ động, độc lập, còn thiếu tính quyết liệt.

3.2. Về hoạt động quản lý Công ty

- Công ty chưa chủ động và linh hoạt trong việc quản trị định mức chi phí.

- Công ty đã có nhiều biện pháp quản lý về giám sát vận tải mỏ, tuy nhiên vẫn còn người lao động vi phạm quy định về việc chất tải. Công tác nghiệm thu khối lượng mỏ về các hoạt động vận tải và chế biến còn chậm thời gian so với quy định.

II. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

Thực hiện nhiệm vụ của BKS Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty. Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin báo cáo phương hướng, nhiệm vụ hoạt động năm 2019 như sau:

1. Giám sát tốt các hoạt động của HĐQT qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc ban hành Nghị quyết các kỳ họp thường kỳ hay bất thường của HĐQT, việc ban hành các quy định, quy chế, việc đôn đốc Ban Giám đốc điều hành, tổ chức thực hiện các Nghị quyết và tuân thủ các Nghị quyết, các quy định, quy chế đã ban hành theo từng nội dung, từng lĩnh vực.

2. Giám sát hoạt động của Ban Giám đốc điều hành thông qua việc: Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trong hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV.

3. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình kiểm soát chung và kiểm soát theo chuyên đề. Nguyên tắc không dàn trải thực hiện cụ thể, chi tiết, trung thực, không làm cản trở đến hoạt động SXKD của Công ty, không can thiệp sang công tác điều hành. Nội dung kiểm soát bao gồm các lĩnh vực liên quan đến hoạt động SXKD và lợi ích của Công ty, kiểm tra các nội dung khác, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông (nếu có).

Trong quá trình kiểm soát phát huy tính chủ động, độc lập, giám sát đôn đốc việc thực hiện ý kiến kiến nghị sau kiểm tra

4. Giám sát quá trình kiểm toán, xem xét các báo cáo kiểm toán, thư quản lý của các Công ty kiểm toán độc lập, kiểm toán tại Công ty. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về nội dung phạm vi kiểm toán, về các vấn đề tồn tại (nếu có), xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận, xem xét các kết quả điều tra nội bộ.

5. Giám sát việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật.

6. Giám sát việc thực hiện và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết Hội nghị người lao động của Công ty.

7. Phối hợp với hệ thống kiểm soát nội bộ, các phòng ban quản lý, các đơn vị sản xuất của Công ty, khi thực hiện kiểm soát cũng như yêu cầu cung cấp thông tin, để sớm hạn chế những rủi ro (nếu có) trong quản lý và trong sản xuất kinh doanh.

Trên đây là những nội dung chủ yếu, báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.

Thay mặt Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV;
- Các TV HĐQT, BKS Công ty;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Văn Hùng

Cầm Phả, ngày 25 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ, về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của Doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 18/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 2037/QĐ - TKV ngày 08/8/2016 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc ban hành quy định giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Công ty mẹ, các Công ty do TKV nắm giữ 100% vốn và Công ty có vốn đầu tư của TKV;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty như sau:

1. Xác nhận tính tuân thủ, thực hiện kế hoạch trong hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin và Tập đoàn TKV năm 2018.

2. Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

3. Xác nhận tính trung thực, chính xác trong hạch toán kế toán, thống kê, tài chính để lập báo cáo Tài chính năm 2018; Công ty áp dụng chế độ kế toán được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam thực hiện.

Ban Kiểm soát Công ty thẩm định và xác nhận độ tin cậy, tính minh bạch của Báo cáo tài chính tại 31/12/2018 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

I. Thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu theo kế hoạch phối hợp SXKD năm 2018.

1. Thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KHPhKD	KHĐC 6783/KH	THỰC HIỆN 2018	SO SÁNH %	
						PHKD	KHĐC
1	Đất đá bốc xúc	M3	19.500.000	20.500.000	20.285.775	104,0	98,9
2	Than sản xuất	Tấn	2.300.000	2.440.000	2.605.986	113,3	106,8

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KHPHKD	KHĐC 6783/KH	THỰC HIỆN 2018	SO SÁNH %	
						PHKD	KHĐC
-	Than NK bóc từ vỉa	Tấn	1.500.000	1.500.000	1.500.118	100,0	100,0
-	Than sạch từ SPNT	Tấn	800.000	940.000	1.105.868	138,2	117,6
3	Hệ số bóc	m ³ /tấn	13,00	13,67	13,52	104,0	98,9
4	Mét khoan sâu	Mks	476.000	489.800	494.847	104,0	100,4
5	Than tiêu thụ	Tấn	2.282.000	2.520.000	2.616.572	114,7	103,8
-	Than giao Cửa Ông	Tấn	1.300.000	1.350.000	1.257.679	96,7	93,2
	+ Than nguyên khai	Tấn	1.300.000	1.350.000	1.233.052	94,9	91,3
	Trong đó: Đá loại				180.143		
	+ Than sạch	Tấn			24.627		
-	Than giao Kho vận	Tấn	982.000	1.012.000	1.358.893	138,4	134,3
	Than cục	Tấn	34.000	62.000	51.159	150,5	82,5
	Than cám	Tấn	948.000	950.000	1.307.734	137,9	137,7
-	Than dùng nội bộ				441		
7	Tổng doanh thu	Tỷ đ	2.661,541	3.036,274	3.059,054	114,9	100,7
8	Doanh thu than	Tỷ đ	2.598,541	3.011.274	3.026,840	116,4	100,5
9	DTHĐ Khác+TC	Tỷ đ	3,000	25,000	32,204		128,8
10	LN trước thuế		26.052	26.052	51.657	198,3	198,3

2. Thực hiện chỉ tiêu công nghệ chủ yếu

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH PHKD	KH Đ/C	TH 2018	TỈ LỆ TH (%)	
						KH PHKD	KH ĐC
3	Chỉ tiêu công nghệ						
	- Hệ số bóc	m ³ /t	13,00	13,67	13,52	104,00	98,90
	- Hệ số thu hồi than sạch	%	91,20	91,20	86,13	94,44	94,44
	- Tỷ lệ tổn thất than	%	4,00	4,00	4	100,00	100,00
	- Độ tro than NK	%	36,93	36,93	37,77	102,27	102,27
	- Cung độ v/c đất đá	km	5,20	5,06	5,00	96,16	98,81
	- Cung độ v/c than NK	km	3,40	3,40	3,29	96,76	96,85

3. Chi phí dở dang TK154, thành phẩm TK155 đến ngày 31.12.2018

Đơn vị tính: Đồng

TT	CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
Tồn kho sản phẩm dở dang				
1	Than nguyên khai	284.999	1.433.557,99	408.562.593.240

TT	CHI TIẾT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
2	Mét khoan sâu chưa nổ	13.140	143.658,00	1.887.666.120
3	Đất đá bắn toi chưa xúc	1.930.000	15.777,00	30.449.610.000
4	Sản phẩm khác			618.834.800
	Cộng			441.518.704.160
Tồn kho thành phẩm				
1	Than Cám 6a.1 (Ak 35,01-40)	965	1.216.420,87	1.173.846.140
2	Than Cám 5a.1 (Ak 27,01-45)	113	1.448.358,85	163.664.550
3	Than Cám 7A (Ak 45,01-50)	4.687	842.607,85	3.949.302.993
4	Than Cục 4a.1 (Ak 4,00 - 7)	109	1.576.625,61	171.852.191
5	Than Cục 4a.2 (Ak 7,01-12)	136	3.084.000,79	419.424.107
6	Than Cục xô 1a (Ak 8,00-13)	134	2.679.622,65	359.069.435
7	Than Cục 1b (Ak 13,01-17)	1.536	2.430.970,97	3.733.971.410
	Cộng	7.680		9.971.130.826

Công ty tính và hạch toán giá trị than thành phẩm tồn kho cuối kỳ theo quy định của Tập đoàn.

II. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Ban Kiểm soát Công ty thẩm định và xác nhận độ tin cậy, tính minh bạch, của Báo cáo tài chính tại 31/12/2018. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp với quy chế quản lý của TKV và Điều lệ của Công ty. Cụ thể các chỉ tiêu chủ yếu sau:

A	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	Giá trị (ĐVT:VNĐ)
I	Tổng tài sản	1.942.354.201.053
1	Tài sản ngắn hạn	967.983.136.521
	Trong đó: Tiền & các khoản tương đương tiền	661.384.716
	Các khoản phải thu ngắn hạn	396.250.942.578
	Tồn kho và dở dang cuối kỳ	470.400.724.474
	- Nguyên vật liệu tồn kho	18.768.775.292
	- Công cụ dụng cụ tồn kho	142.114.196
	- Sản phẩm dở dang tồn kho	441.518.704.160
	- Thành phẩm tồn kho	9.971.130.826
2	Tài sản dài hạn	974.371.064.532
II	Tổng nguồn vốn	1.942.354.201.053
1	Tổng nợ phải trả	1.574.039.702.067
	Trong đó : +Nợ ngắn hạn	1.249.716.945.788
	+ Vay và nợ dài hạn	324.322.756.279
2	Vốn chủ sở hữu (ms 400)	368.314.498.986
2.1	Vốn chủ sở hữu (ms 410)	368.314.498.986

A	Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	Giá trị (ĐVT:VNĐ)
	<i>Trong đó : Vốn đầu tư của chủ SH ms 411</i>	324.961.050.000
	<i>Quỹ ĐTPT ms 418</i>	2.040.317.377
	<i>Lợi nhuận ST chưa phân phối ms 421</i>	41.313.131.609
2.2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	
B	<u>Kết quả SXKD năm 2018</u>	
1	Tổng thu nhập	3.059.742.163.108
2	<i>Trong đó: D.thu thuần về bán hàng và CCDV</i>	3.054.011.427.369
3	Tổng chi phí hoạt động	3.008.085.328.597
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.656.834.511
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.313.131.609
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.271,33
7	Cổ phiếu	32.496.105
C	<u>Chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp</u>	
1	- KN TT hiện hành (Tổng tài sản/ tổng nợ PT)	1,23
2	- KN T.toán hiện thời Ngắn hạn (TS NH/Nợ NH)	0,77
3	- Hệ số: Nợ PT / Vốn CSH (lần)	4,22
4	- Hệ số: Nợ PT / Vốn Điều lệ (lần)	4,79
5	- Hệ số: Nợ PT/ Tổng tài sản (lần)	0,80
6	Tỷ suất sinh lời	
	- Hệ số LN sau thuế / Dthu thuần (%)	1,35
	- Hệ số LN sau thuế/ VCSH(%) (ROE)	12,63
	- Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (%) (ROA)	2,17

III. Ý kiến thẩm định

1. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch, chấp hành chính sách Nhà nước, chính sách với người lao động và Nghị quyết Hội đồng quản trị

- Các chỉ tiêu về sản lượng than khai thác, tiêu thụ, doanh thu, đều vượt kế hoạch, riêng chỉ tiêu lợi nhuận vượt kế hoạch (198%); cho thấy năm 2018 có thuận lợi về điều kiện tiêu thụ và giá bán.

- Một số chỉ tiêu công nghệ chưa đạt kế hoạch như: hệ số bóc đất, hệ số thu hồi than sạch, độ tro than nguyên khai, cung độ vận chuyển; tuy nhiên mức độ tỷ lệ hụt so với kế hoạch rất thấp, nên không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Về công tác đầu tư xây dựng, thực hiện đúng yêu cầu cần thiết, phục vụ tốt theo yêu cầu năng lực sản xuất, đúng định hướng và hiệu quả.

- Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước: do điều kiện tiêu thụ tốt, mọi sắc thuế Công ty nộp đều nộp tăng so với dự kiến kế hoạch năm, việc nộp đúng thời hạn quy định, không vi phạm Luật quản lý thuế.

- Thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018, chấp hành và tuân thủ theo Nghị quyết, Quyết định điều hành của Hội đồng quản trị.

- Đối với người lao động: thu nhập được nâng cao, tiền lương bình quân (người/ tháng), thực hiện 8.937.000/ kế hoạch 7.440.000. Trong năm mọi CNCB đều được thu xếp đi nghỉ mát, các hoạt động phúc lợi được chăm lo theo nghị quyết Hội nghị người lao động.

2. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu tài chính

- Nhìn chung các hệ số tài chính trong mức độ tương đối ổn định, phù hợp với điều kiện của ngành khai thác mỏ, các hệ số trong phạm vi kiểm soát.
- Chỉ số lãi cơ bản trên cổ phiếu 2018: 1.271,33 tăng so với 2017: 1.123,4.
- Một số hệ số tài chính cơ bản đã tăng hơn so với 2017: Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (12,63% /10,2 %); Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (2,17% /2,14%); Hệ số thanh toán hiện thời đã được cải thiện tốt, kế hoạch TKV giao 0,5, thực hiện 0,77 lần.
- Công tác quản lý tài chính, công nợ: tuân thủ theo đúng chế độ chính sách
- Về khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp: vẫn còn tồn tại khoản: 43.598.000.000 đồng, vốn góp vào Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả, Công ty đang xem xét, thoái vốn ở thời điểm giá phù hợp để thu đủ vốn; hiện đã trích lập dự phòng 30.518.600.000 đồng.
- Về công nợ: không còn công nợ khó đòi.

3. Một số khuyến nghị

a) Về sản xuất kinh doanh

- Than bán thành phẩm tồn cuối kỳ: Sản lượng 284.999 tấn, giá trị 408.562.593.240. Chất lượng AK tồn 44,6% không đủ tiêu chuẩn tiêu thụ, để tiêu thụ được phải có nguồn than tốt pha trộn, tồn kho chậm luân chuyển có ảnh hưởng đến tài chính Quý I/2019.
- Nguồn đất đá lẫn than: Theo số liệu kiểm kê 01.01.2019 nguồn đất đá lẫn than tồn: 590.067 tấn, năm 2019 Tập đoàn giao Công ty sản xuất 840.000 tấn than từ nguồn đất đá lẫn than, như vậy sẽ khó khăn nguồn cấp liệu đầu vào. Công ty cần tận thu tốt đất đá lẫn than trong quá trình khai thác, cũng như thu gom khai trường, mới có đủ nguồn chế biến.
- Về chi phí lớp ô tô đặc chủng: Đã được điều chỉnh định mức phù hợp với điều kiện Công ty. Tuy nhiên với khai trường khai thác quá khó khăn, vẫn tiềm ẩn gia tăng chi phí sử dụng.

b) Trong công tác quản lý

- Tăng cường công tác quản lý về: Nghiệm thu khối lượng mỏ, nghiệm thu trong quá trình chế biến, nghiệm thu công tác vận tải mỏ, mô hình chất tải.
- Công tác quản lý hợp đồng: Đối với hợp đồng thuê ngoài, bao gồm: thuê ngoài vận tải đất đá, thuê tài sản, thuê ngoài chế biến. Cần kiểm soát chặt chẽ và đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định hướng dẫn của Nhà nước, của TKV, trong quá trình đấu thầu cũng như thương thảo hợp đồng, những hợp đồng có sử dụng lao vụ lẫn nhau cần lưu ý, tránh bỏ sót doanh thu, chi phí.

Trên đây là kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, trân trọng báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- Tập đoàn TKV;
- Các TV HĐQT, BKS Công ty;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VT, BKS.

T/M. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Hùng

Cầm Phả, ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

Căn cứ Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin được quy định tại Điều 38 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, đã được sửa đổi bổ sung và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 12/4/2018;

Căn cứ điều kiện và năng lực của công ty TNHH PKF Việt Nam;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Than Cọc Sáu -Vinacomin, xin được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

- Tên Công ty: Công ty TNHH PKF Việt Nam - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán PKF Quốc tế.

- Tên viết tắt: PKF VIET NAM CO., LTD;

- Trụ sở chính: Số 1, phố Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Thực hiện nhiệm vụ:

1. Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2019 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

2. Kiểm toán các nội dung khác của Công ty (khi có yêu cầu).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS Công ty;
- Các cổ đông của Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Hùng

Số: /NQ - ĐHĐCĐ

Cầm Phả, ngày 18 tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN CỘC SÁU-VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin đã được sửa đổi, bổ sung và nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 12/4/2018;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2019 họp ngày 18/4/2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin, bao gồm:

1.1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018

1.	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	TỶ LỆ % SO VỚI	
						Kế hoạch điều chỉnh	Kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6	7=6/5*100	8=6/4*100
1	Đất đá bốc xúc	M ³	19.500.000	20.500.000	20.285.775	104,0	99,0
2	Than sản xuất	Tấn	2.300.000	2.440.000	2.605.986	113,3	106,8
-	Than NK khai thác	Tấn	1.500.000	1.500.000	1.500.118	100,0	100,0
-	Than sạch từ SPNT	Tấn	800.000	940.000	1.105.868	138,2	117,6
3	Hệ số bóc	M ³ /T	13,00	13,67	13,52	104,0	98,9
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.282.000	2.520.000	2.616.572	114,7	103,8
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.661.541	3.036.274	3.059.054	114,9	100,75
6	Giá trị đầu tư	Tr.đ	148.220	179.994	107.295	72,38	59,61
7	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	7.514	7.514	9.009	119,9	119,9
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	26.052	26.052	51.657	198,3	198,3
9	Trả cổ tức	% năm/CP	3	3	5	166,6	166,6

1.2. Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Đất đá bóc xúc	M ³	25.900.000
2	Than sản xuất	Tấn	2.690.000
-	Than nguyên khai khai thác	Tấn	1.850.000
-	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	840.000
3	Hệ số bóc	M ³ /Tấn	14,00
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.663.000
5	Doanh thu tổng số	Triệu đồng	3.493.548
	Trong đó doanh thu than	Triệu đồng	3.490.548
6	Giá trị đầu tư XDCB	Triệu đồng	298.481
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	26.066
8	Tiền lương bình quân	1.000đ/người/tháng	8.582.000
9	Dự kiến chi trả cổ tức	%/năm/CP	5 (phần đầu 6%)

Đại hội ủy quyền cho HĐQT, Ban điều hành Công ty căn cứ vào thị trường tiêu thụ, diễn biến thời tiết....chủ động điều chỉnh kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế nhằm đảm bảo hiệu quả, lợi ích của các cổ đông và Công ty.

Điều 2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

- | | |
|------------------------------|----------------------|
| 1. Tài sản ngắn hạn | : 967,983 tỷ đồng. |
| 2. Tài sản dài hạn | : 974,371 tỷ đồng. |
| 3. Tổng cộng tài sản | : 1.942,354 tỷ đồng. |
| 4. Nợ phải trả | : 1.574,039 tỷ đồng. |
| 5. Vốn chủ sở hữu | : 368,314 tỷ đồng. |
| 6. Tổng lợi nhuận trước thuế | : 51,657 tỷ đồng. |

Điều 3. Thông qua phương án Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỷ lệ (%)	Số tiền
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	100	51.657
2. Thuế TNDN	Triệu đồng	20,02	10.344
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Triệu đồng	79,98	41.313
3.1. Chia cổ tức (5% vốn điều lệ)	Triệu đồng	5,00	16.248
3.2. Lợi nhuận còn lại được trích bổ sung các quỹ	Triệu đồng		25.065
a. Quỹ thưởng Người quản lý Công ty	Triệu đồng		390

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tỷ lệ (%)	Số tiền
b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng		24.675
Trong đó:			
- Quỹ khen thưởng (60%)	Triệu đồng		14.805
- Quỹ phúc lợi (40%)	Triệu đồng		9.870

Điều 4. Thông qua việc chi trả tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018; đề xuất tiền thù lao HĐQT, BKS và tiền lương của thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019.

4.1. Chi trả tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018

a) Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2018

- 05 Thành viên HĐQT của Công ty : 263.160.000 đồng.
- 02 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty : 96.000.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS : 359.160.000 đồng.

Bảng chữ: (Ba trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

b) Tiền lương chi trả đối với thành viên HĐQT chuyên trách năm 2018 là 65.960.000 đồng (02 tháng tiền lương đối với thành viên HĐQT chuyên trách).

c) Tiền lương chi trả đối với Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2018 là 395.760.000 đồng.

4.2. Thông qua mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019

Căn cứ (i) Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; (ii) Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ - TB & XH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; (iii) căn cứ Khoản 1, Điều 28; Khoản 5, Điều 38 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin quy định mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty và (iv) kế hoạch tiền lương của Công ty năm 2019;

a) Mức chi trả tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty được xác định như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	$25.700.000 \times 20\% = 5.140.000$
2	Ủy viên HĐQT	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$
3	Ủy viên BKS	$20.000.000 \times 20\% = 4.000.000$

*** Ghi chú:** Mức tiền thù lao trên được chi trả cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách.

b) Tiền lương đối với Thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách Công ty được hưởng mức lương theo kế hoạch là 21.900.000 đồng/người/tháng.

c) Việc chi trả thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách được tạm ứng 80% mức thù lao, tiền lương tạm tính của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS Công ty theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 5. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2018; phương hướng nhiệm vụ năm 2019 với các nội dung sau (chi tiết cụ thể như báo cáo đã trình bày tại Đại hội):

5.1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về các cuộc họp, các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành và của từng thành viên HĐQT.

- Năm 2018 các thành viên HĐQT Công ty thực hiện tốt chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ được giao, làm việc có trách nhiệm, cẩn trọng và trung thực, vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Quản lý điều hành Công ty hoạt động theo đúng Pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, tài chính của Công ty lành mạnh.

- Vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà Nước.

5.2 Công tác giám sát đối với Giám đốc và người điều hành Công ty.

5.3. Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2018.

5.4. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.

Điều 6. Thông qua báo cáo của BKS về (i) kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2018; (ii) báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 với các nội dung sau (chi tiết cụ thể như báo cáo đã trình bày tại Đại hội):

6.1. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát về tổng kết các cuộc họp và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát;

Các thành viên BKS Công ty thực hiện tốt chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ được giao, làm việc có trách nhiệm, cẩn trọng và trung thực, vì lợi ích cao nhất của Công ty.

6.2 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty: Ban Kiểm soát đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

6.3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và người điều hành Công ty.

- Công tác quản lý điều hành Công ty của HĐQT, Giám đốc Công ty đã tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty được ban hành đúng định hướng và kịp thời, có tác dụng tích cực trong quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty. BKS không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.

- Công tác an ninh trật tự và các mặt quản lý khác được giữ vững. Điều kiện làm việc, đời sống vật chất tinh thần của người lao động được đảm bảo ổn định.

6.4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông

- Năm 2018 Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin từ HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các mặt hoạt động quản lý, SXKD; nhận được sự phối hợp của các phòng ban quản lý, các đơn vị sản xuất tạo điều kiện giúp BKS thực hiện nhiệm vụ.

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn minh bạch, dân chủ, trao đổi với Ban Giám đốc và các phòng ban liên quan, trước khi kết luận ý kiến; các ý kiến, kiến nghị của BKS được Ban Giám đốc Công ty xem xét tiếp nhận và chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện nghiêm túc.

Trong năm 2018 BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo của cổ đông, cũng như của CBCN trong Công ty về tình hình hoạt động SXKD, về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý điều hành Công ty.

6.5. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019.

Điều 7. Thông qua báo cáo đề nghị lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Ban kiểm soát Công ty.

- Tên Công ty: Công ty TNHH PKF Việt Nam -Thành viên Tập đoàn Kiểm toán PKF Quốc tế.
- Tên viết tắt: PKF VIET NAM CO., LTD;
- Trụ sở chính: Số 1, phố Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Thực hiện nhiệm vụ:
 - a) Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2018 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin.
 - b) Kiểm toán các nội dung khác của Công ty (khi có yêu cầu).

Điều 8. Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2019 đã được tiến hành công bằng và hợp pháp. Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2019 thông qua.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua trong Nghị quyết này, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Các TV Ban Giám đốc;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ-YT, Ph(....).

Phạm Hồng Tài

Cẩm Phả, ngày tháng 4 năm 2019

DỰ THẢO

BIÊN BẢN

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 18/4/2019 tại Hội trường Tầng 7 – Văn phòng Công ty cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin.

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú – Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Mã số doanh nghiệp: 5700101002 đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 02/11/2018 tại Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

Đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, tham dự Đại hội gồm có:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Phạm Hồng Tài | Chủ tịch HĐQT và các thành viên trong HĐQT Công ty. |
| 2. Ông Nguyễn Văn Hùng | Trưởng ban Kiểm soát Công ty và các thành viên trong Ban kiểm soát Công ty. |
| 3. Ông Nguyễn Văn Thuận | Ủy viên HĐQT- Q.Giám đốc Công ty và các thành viên trong Ban điều hành Công ty |

4. Và các vị cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho.....cổ phần, bằng:% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Những cổ đông vắng mặt đã uỷ quyền cho các cổ đông hiện diện tham dự Đại hội ngày hôm nay.

(Có danh sách các cổ đông tham dự Đại hội kèm theo biên bản này)

Đại hội do Ông Phạm Hồng Tài, Chủ tịch HĐQT Công ty làm Chủ tọa. Chủ tọa Đại hội cử Ông Nguyễn Trung Thành Thư ký Công ty làm thư ký Đại hội và cử các Ông sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| 1. Ông Nguyễn Đức Phương | Tổ trưởng |
| 2. Ông Nguyễn Hữu Quang | Tổ viên |
| 3. Ông Nguyễn Xuân Dậu | Tổ viên |

Để giúp việc cho thư ký trong việc thu, đếm các thẻ biểu quyết và giải quyết các công việc có liên quan khác.

I. Thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội

I.1. Ông Phạm Việt Thắng, Chánh Văn phòng trình bày quy chế, chương trình làm việc của Đại hội và Đại hội đã biểu quyết thông qua quy chế, chương trình làm việc với kết quả như sau:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu trắng không có.

Quy chế làm việc, chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

I.2. Ông Nguyễn Hữu Quang, Trưởng ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông và công bố các vị cổ đông có mặt đều đủ tư cách tham dự Đại hội. Những cổ đông có mặt sở hữu và đại diện cho:.....cổ phần, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty thì Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2019 đã hội đủ điều kiện để tiến hành.

II. Sau khi thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội, Chủ tọa Đại hội đã điều hành việc trình bày các báo cáo, tờ trình về các vấn đề sau đây

II.1. Ông Nguyễn Văn Thuận, Ủy viên HĐQT – Q.Giám đốc Công ty trình bày báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2019 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh	Thực hiện	TỶ LỆ % SO VỚI	
						Kế hoạch điều chỉnh	Kế hoạch đầu năm
1	2	3	4	5	6	7=6/5*100	8=6/4*100
1	Đất đá bốc xúc	M ³	19.500.000	20.500.000	20.285.775	104,0	99,0
2	Than sản xuất	Tấn	2.300.000	2.440.000	2.605.986	113,3	106,8
-	Than NK khai thác	Tấn	1.500.000	1.500.000	1.500.118	100,0	100,0
-	Than sạch từ SPNT	Tấn	800.000	940.000	1.105.868	138,2	117,6
3	Hệ số bóc	M ³ /T	13,00	13,67	13,52	104,0	98,9
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.282.000	2.520.000	2.616.572	114,7	103,8
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.661.541	3.036.274	3.059.054	114,9	100,75
6	Giá trị đầu tư	Tr.đ	148.220	179.994	107.295	72,38	59,61
7	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	7.514	7.514	9.009	119,9	119,9
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	26.052	26.052	51.657	198,3	198,3
9	Trả cổ tức	% năm/CP	3	3	5	166,6	166,6

b) Phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2019

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Đất đá bốc xúc	M ³	25.900.000
2	Than sản xuất	Tấn	2.690.000
-	Than nguyên khai khai thác	Tấn	1.850.000
-	Than sạch từ ĐDLT	Tấn	840.000
3	Hệ số bóc	M ³ /Tấn	14,00
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.663.000
5	Doanh thu tổng số	Triệu đồng	3.493.548
	Trong đó doanh thu than	Triệu đồng	3.490.548

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2019
6	Giá trị đầu tư XDCCB	Triệu đồng	298.481
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	26.066
8	Tiền lương bình quân	1.000đ/người/tháng	8.582.000
9	Dự kiến chi trả cổ tức	%/năm/CP	5 (phần đầu 6%)

II.2. Ông Nguyễn Hữu Trường, Kế Toán trưởng Công ty trình bày báo cáo

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Tài sản ngắn hạn : 967,983 tỷ đồng.
2. Tài sản dài hạn : 974,371 tỷ đồng.
3. Tổng cộng tài sản : 1.942,354 tỷ đồng.
4. Nợ phải trả : 1.574,039 tỷ đồng.
5. Vốn chủ sở hữu : 368,314 tỷ đồng.
6. Tổng lợi nhuận trước thuế : 51,657 tỷ đồng.

b) Báo cáo đề xuất phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TỶ LỆ (%)	SỐ TIỀN
1. Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	100	51.657
2. Thuế TNDN	Triệu đồng	20,02	10.344
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Triệu đồng	79,98	41.313
3.1. Chia cổ tức (5% vốn điều lệ)	Triệu đồng	5,00	16.248
3.2. Lợi nhuận còn lại được trích bổ sung các quỹ	Triệu đồng		25.065
a. Quỹ thưởng Người quản lý Công ty	Triệu đồng		390
b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong đó:	Triệu đồng		24.675
- Quỹ khen thưởng (60%)	Triệu đồng		14.805
- Quỹ phúc lợi (40%)	Triệu đồng		9.870

c) Báo cáo chi trả tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Thành viên HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách năm 2018; đề xuất tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của thành viên HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách của Công ty năm 2019.

(i) Tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS Công ty năm 2018

- 05 Thành viên HĐQT của Công ty : 263.160.000 đồng.
- 02 Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty : 96.000.000 đồng.
- Tổng số tiền thù lao chi trả cho HĐQT, BKS : 359.160.000 đồng.

Bằng chữ: (Ba trăm năm mươi chín triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

- Tiền lương chi trả đối với thành viên HĐQT chuyên trách năm 2018 là 65.960.000 đồng (02 tháng tiền lương đối với thành viên HĐQT chuyên trách).

- Tiền lương chi trả đối với TB Kiểm soát chuyên trách năm 2018 là 395.760.000 đồng.

(ii) Đề xuất mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS; tiền lương thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách năm 2019.

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐ-TB & XH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Khoản 5, Điều 38 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin quy định mức thù lao của HĐQT, BKS Công ty.

Căn cứ vào kế hoạch tiền lương của Công ty năm 2019;

- Mức chi trả tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công ty được xác định như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao hàng tháng (VNĐ/người)
1	Chủ tịch HĐQT	$25.700.000 \times 20\% = 5.140.000$
2	Ủy viên HĐQT	$21.900.000 \times 20\% = 4.380.000$
3	Ủy viên BKS	$20.000.000 \times 20\% = 4.000.000$

* Ghi chú: Mức tiền thù lao trên được chi trả cho thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách.

- Tiền lương đối với thành viên HĐQT và Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách Công ty được hưởng mức lương theo kế hoạch là 21.900.000 đồng/người/tháng.

- Việc chi trả thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của thành viên HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách được tạm ứng 80% mức thù lao, tiền lương tạm tính của tháng đó; số còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm dựa trên kết quả SXKD của Công ty và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của từng thành viên HĐQT, BKS Công ty theo quy định tại NĐ số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính Phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

II.3. Ông Vũ Văn Khẩn, UV HĐQT Công ty trình bày báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2018; phương hướng nhiệm vụ năm 2019 với các nội dung sau:

a) Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị về các cuộc họp, các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành và của từng thành viên HĐQT.

- Năm 2018 các thành viên HĐQT Công ty thực hiện tốt chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ được giao, làm việc có trách nhiệm, cẩn trọng và trung thực, vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Quản lý điều hành Công ty hoạt động theo đúng Pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, tài chính của Công ty lành mạnh.

- Vốn kinh doanh được bảo toàn và phát triển; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà Nước.

b) Công tác giám sát đối với Giám đốc và người điều hành Công ty.

c) Báo cáo thù lao của thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2018;

d) Phương hướng, nhiệm vụ năm 2019

II.4. Ông Nguyễn Văn Hùng, Trưởng ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo.

4.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2018 và báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2018 với các nội dung chủ yếu sau:

a) Kết quả hoạt động của BKS về tổng kết các cuộc họp và các kết luận, kiến nghị của BKS.

Các thành viên BKS Công ty thực hiện tốt chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ được giao, làm việc có trách nhiệm, cẩn trọng và trung thực, vì lợi ích cao nhất của Công ty.

b) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty: BKS đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

c) Kết quả giám sát đối với HĐQT, Giám đốc và người điều hành Công ty.

- Công tác quản lý điều hành Công ty của HĐQT, Giám đốc Công ty đã tuân thủ theo đúng quy định Pháp luật, Điều lệ Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty được ban hành đúng định hướng, kịp thời, có tác dụng tích cực trong quản lý, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty. BKS không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, BGĐ và cán bộ quản lý của Công ty.

- Công tác an ninh trật tự và các mặt quản lý khác được giữ vững. Điều kiện làm việc, đời sống vật chất tinh thần của người lao động được đảm bảo ổn định.

d) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc và các cổ đông

- Năm 2018 BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin từ HĐQT, BGĐ về các mặt hoạt động quản lý SXKD; nhận được sự phối hợp của các đơn vị trong Công ty tạo điều kiện giúp BKS thực hiện nhiệm vụ.

- Quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn minh bạch, dân chủ, trao đổi với BGĐ và các phòng ban liên quan trước khi kết luận; các ý kiến, kiến nghị của BKS được BGĐ xem xét tiếp nhận và chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện nghiêm túc.

Trong năm 2018 BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, tố cáo của cổ đông, cũng như của CBCN trong Công ty về tình hình hoạt động SXKD, về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý điều hành Công ty.

4.2. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm 2018.

- Xác nhận tính tuân thủ thực hiện kế hoạch trong hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Công ty và TKV năm 2018.

- Xác nhận tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và độ tin cậy trong quản lý điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

- Xác nhận tính trung thực, chính xác trong tổ chức công tác kế toán, thống kê, tài chính và lập báo cáo tài chính năm 2018.

- Thống nhất các nội dung và ý kiến của Kiểm toán độc lập tại biên bản kết luận kiểm toán của Công ty TNHH PKF Việt Nam.

4.3. Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

- Tên Công ty: Công ty TNHH PKF Việt Nam - Thành viên Tập đoàn Kiểm toán PKF Quốc tế.

- Tên viết tắt: PKF VIET NAM CO., LTD;

- Trụ sở chính: Số 1, phố Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Thực hiện nhiệm vụ: (i) Kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2019 của Công ty cổ phần Than Cọc Sáu – Vinacomin; (ii) kiểm toán các nội dung khác của Công ty (khi có yêu cầu).

III. Chủ toạ Đại hội đã điều hành việc thảo luận và biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo, tờ trình của thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty đã trình bày.

III.1. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng :.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.2. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo tài chính đã được qua kiểm toán năm 2019, kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo tài chính đã được qua kiểm toán năm 2018 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.3. Thảo luận và biểu quyết thông qua phương án Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018, kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Phương án Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.4. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS; tiền lương của thành viên HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách năm 2018; đề xuất tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của thành viên HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách năm 2019, kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS; tiền lương của thành viên HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách năm 2018; đề xuất tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của thành viên HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách năm 2019 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.5. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2018; phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 với kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng :.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự đại hội.

- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2018; phương hướng nhiệm vụ năm 2019 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.6. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo của BKS về (i) kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty năm 2018; (ii) báo cáo tự đánh giá hoạt động của BKS năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019, kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty và báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

III.7. Thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu trắng không có.

Báo cáo đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

IV. Thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Trung Thành, Thư ký Đại hội trình bày Nghị quyết, Biên bản Đại hội và biểu quyết thông qua với kết quả:

- Tổng số phiếu tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu không tán thành :.....phiếu, bằng:.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội
- Tổng số phiếu trắng không có.

Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Than Cọc Sáu-Vinacomin năm 2019 đã được thông qua với số phiếu tán thành bằng.....% số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

Đại hội kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Trung Thành

Phạm Hồng Tài

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các TV HĐQT, BKS Công ty;
- Các TV Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, HĐQT, TCLĐ-YT, Ph(.....).